

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI VÙNG ĐÀM PHÁ VEN BIỂN CỦA HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Văn Bình¹, Nguyễn Đình Tiến¹, Nguyễn Thành Nam¹, Hoàng Phương Anh²

¹*Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế*

²*Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội*

TÓM TẮT

Mục tiêu chính của nghiên cứu là đánh giá được hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại vùng đầm phá ven biển của huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thông qua tổng hợp và phân tích các số liệu, bảng biểu điều tra thu thập được, cho thấy: Có 8 kiểu sử dụng đất chính tại huyện Phong Điền đó là: lúa 2 vụ, lạc, ném, ớt, sen, mướp đắng, dưa hấu và tôm thẻ chân trắng. Trong đó, lúa 2 vụ và tôm thẻ chân trắng có diện tích sản xuất lớn nhất. Về hiệu quả sử dụng đất, các kiểu sử dụng đất như tôm thẻ chân trắng, ném, sen, ớt, mướp đắng, dưa hấu được đánh giá là có hiệu quả cao nhất, kiểu sử dụng đất sen được đánh giá có hiệu quả sử dụng đất thấp nhất. Các kiểu sử dụng đất nông nghiệp hiện có tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền có những điểm chung như năng suất cao, sản lượng và chất lượng ổn định, tuy nhiên, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp chưa đảm bảo theo quy trình khoa học. Dựa trên kết quả nghiên cứu, nghiên cứu cũng đã đề xuất được 5 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong thời gian tới trên địa bàn huyện Phong Điền.

Từ khóa: đất nông nghiệp, hiệu quả, kiểu sử dụng đất, Phong Điền.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quá trình khai thác sử dụng đất đai luôn gắn liền với quá trình phát triển của xã hội. Để thỏa mãn nhu cầu sử dụng đất của mình thì con người tìm mọi cách tác động vào đất để tạo ra các sản phẩm theo mong muốn, nhờ ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất. Tuy nhiên trong thực tế, việc sử dụng đất theo hướng thâm canh, khai thác quá mức mà không chú trọng vào việc bảo vệ và cải tạo đất, làm cho đất trở lên cằn cỗi, bạc màu. Điều đó làm cho đất nông nghiệp đã có hạn về diện tích nhưng lại có nguy cơ bị thoái hóa dưới tác động của thiên nhiên và canh tác không hợp lý của con người. Do vậy, việc đánh giá hiệu quả để sử dụng hợp lý theo quan điểm sinh thái và phát triển bền vững đang trở thành vấn đề mang tính toàn cầu. Đối với nước có nền kinh tế nông nghiệp chủ yếu như Việt Nam thì việc nghiên cứu, đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Để đánh giá được hiệu quả sử dụng đất người ta căn cứ vào các yếu tố như điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường (Nguyễn Văn Bình, 2017). Điều kiện kinh tế - xã hội (trình độ dân trí, cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật và công nghệ) góp phần không nhỏ đến việc nâng cao năng suất của các kiểu sử dụng đất (Huỳnh Văn Chương, 2011).

Huyện Phong Điền là nằm ở cực bắc của tỉnh Thừa Thiên Huế, có diện tích gần bằng 1/5 diện tích đất tự nhiên của tỉnh, trải rộng trên cả 3 vùng đồi núi, đồng bằng, đầm phá và bờ biển. Diện tích đất nông nghiệp chiếm 85% với tổng diện tích đất tự nhiên. Vì vậy sản xuất nông nghiệp là một ngành kinh tế chính của huyện. Đa số người dân có thu nhập chính từ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên hiện nay, giá trị của 1 ha đất sản xuất nông nghiệp không cao. Trong quá trình người dân sản xuất thì không quan tâm đầu tư cải tạo đất hợp lý, dẫn đến suy giảm độ phì của đất. Các nghiên cứu đánh giá về đất để bố trí cây trồng vật ở địa phương chưa thực sự hợp lý, chưa đánh giá được hiệu quả sử dụng đất khoa học bài bản nên thời gian qua việc chuyển đổi sử dụng đất ở địa phương chưa có cơ sở khoa học, lúng túng, đưa ra phương án chưa sát thực.

Xuất phát từ những vấn đề trên, nhóm nghiên cứu đã thực hiện nghiên cứu: “Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại vùng đầm phá ven biển của huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế”.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp điều tra, thu thập số liệu, tài liệu

- Thu thập số liệu thứ cấp như: các báo cáo, số liệu thống kê bản đồ, và các loại tài liệu khác

có liên quan đến nội dung nghiên cứu.

- Điều tra các số liệu sơ cấp: điều tra thực địa và phỏng vấn nông hộ bằng bảng hỏi đã được thiết kế sẵn về một số kiểu sử dụng đất chính với số lượng 60 phiếu điều tra nông hộ và 12 phiếu điều tra cán bộ của 6 xã Điền Hương, Điền Môn, Điền Lộc, Điền Hòa, Điền Hải và Phong Hải.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu, phân tích tổng hợp và đánh giá

Tổng hợp thông tin, số liệu, và xử lý bằng phần mềm Microsoft Office Excel. Phân tích, đánh giá theo phương pháp thống kê.

2.3. Phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng đất

2.3.1 Hiệu quả kinh tế

(1) Giá trị sản xuất (GO): là toàn bộ giá trị của cải vật chất và dịch vụ được tạo ra trong một thời kỳ (thường là một năm).

Công thức tính:

$$GO = \sum_{i=1}^n Q_i * P_i \quad (1)$$

Trong đó: GO là giá trị sản xuất;

Q_i là khối lượng sản phẩm loại i ;

P_i là đơn giá sản phẩm i .

(2) Chi phí trung gian (IC): là toàn bộ các khoản chi phí vật chất và dịch vụ được sử dụng trong quá trình sản xuất (tính theo chu kỳ của GO). Trong nông nghiệp, chi phí trung gian bao gồm các khoản chi phí như: giống cây, phân

bón, thuốc trừ sâu.

Công thức tính:

$$IC = \sum_{j=1}^m C_j \quad (2)$$

Trong đó: IC là chi phí trung gian; C_j là khoản chi phí thứ j trong vụ sản xuất.

(3) Giá trị gia tăng (VA): là giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ do các ngành sản xuất tạo ra trong một năm hay một chu kỳ sản xuất. VA được tính bằng hiệu số giữa giá trị sản xuất và chi phí trung gian.

Công thức tính:

$$VA = GO - IC \quad (3)$$

(4) Tỷ suất giá trị sản xuất theo chi phí (T_{GO}): là tỷ số giá trị sản xuất tính bình quân trên một đơn vị diện tích với chi phí trung gian trong 1 chu kỳ sản xuất.

Công thức tính:

$$T_{GO} = GO/IC \quad (4)$$

(5) Tỷ suất giá trị tăng thêm theo chi phí (T_{VA}): là tỷ số giá trị tăng thêm tính bình quân trên một đơn vị diện tích với chi phí trung gian trong một chu kỳ sản xuất.

Công thức tính:

$$T_{VA} = VA/IC \quad (5) \text{ (Bùi Nữ Hoàng Anh, 2013)}$$

Trên cơ sở thực tế tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền, tham khảo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nghiên cứu đã xây dựng bảng phân cấp về các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế (bảng 1).

Bảng 1. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phân cấp hiệu quả kinh tế			
			Rất cao	Cao	Trung bình	Thấp
Thang điểm			4	3	2	1
1	Giá trị sản xuất (GO)	Triệu đồng /ha/năm	> 120	80 - 120	40 - 80	< 40
2	Giá trị gia tăng (VA)	Triệu đồng /ha/năm	> 100	60 - 100	20 - 60	< 20
3	Hiệu quả sản xuất (GO/IC)	Lần	> 2,2	1,7 - 2,2	1,3 - 1,7	< 1,3

(Nguồn: Vận dụng phân cấp của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Tổng hợp điểm của 3 chỉ tiêu xác định hiệu quả kinh tế cho mỗi kiểu sử dụng đất (LUT) như sau: LUT đạt hiệu quả rất cao ≥ 9 điểm, LUT đạt hiệu quả cao từ ≥ 7 đến < 9 điểm, LUT đạt hiệu quả trung bình từ ≥ 5 đến < 7 điểm và LUT đạt hiệu quả thấp < 5 điểm (Thi Quý Phú, 2019).

2.5.2 Hiệu quả xã hội

Trong phạm vi nghiên cứu, nhóm nghiên cứu chỉ đề cập đến một số chỉ tiêu sau: Khả năng phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng; Khả năng thu hút lao động, giải quyết việc làm cho người sản xuất (công/ha). Giá trị ngày công = giá trị gia tăng/số công lao động.

Bảng 2. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền

TT	Chỉ tiêu	Phân cấp hiệu quả xã hội			
		Rất cao	Cao	Trung bình	Thấp
Thang điểm		4	3	2	1
1	Mức độ thu hút lao động (Công/ha/năm)	> 250	150 – 250	50 – 150	< 50
2	Giá trị ngày công lao động (Nghìn đồng)	> 400	250 – 400	100 – 250	< 100
3	Khả năng tiêu thụ sản phẩm	Có thị trường xuất khẩu và thị trường trong nước; Rất phù hợp thị hiếu người tiêu dùng	Có thị trường xuất khẩu và thị trường trong nước; Phù hợp thị hiếu người tiêu dùng	Khả năng xuất khẩu thấp, chủ yếu tiêu thụ trong nước; Ít phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng	Chủ yếu tiêu thụ trong nước; Khả năng cạnh tranh thấp; Ít phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng

(Nguồn: Vận dụng phân cấp của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Tổng hợp điểm của 3 chỉ tiêu xác định hiệu quả kinh tế cho mỗi LUT như sau: LUT đạt hiệu quả rất cao ≥ 9 điểm, LUT đạt hiệu quả cao từ ≥ 7 đến < 9 điểm, LUT đạt hiệu quả trung bình từ ≥ 5 đến < 7 điểm và LUT đạt hiệu quả thấp < 5 điểm (Thi Quý Phú, 2019).

2.4.3. Hiệu quả môi trường

Trong phạm vi nghiên cứu này, nhóm nghiên

cứu chỉ đề cập đến một số chỉ tiêu như: Khả năng che phủ đất; Khả năng duy trì và cải thiện độ phì cho đất; Mức độ sử dụng phân bón và các loại thuốc BVTV vượt mức so với tiêu chuẩn Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả môi trường của các loại hình trồng sử dụng đất nông nghiệp tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả môi trường

Mức đánh giá	Điểm số	Mức độ che phủ đất (%)	Khả năng bảo vệ và cải tạo đất (%)	Mức độ sử dụng phân bón và các loại thuốc BVTV (% vượt)
Rất cao	4	> 70	> 70	≤ 0
Cao	3	50 – 70	50 - 70	0 – 15
Trung bình	2	30 – 50	30 - 50	15 – 30
Thấp	1	< 30	< 30	> 30

(Nguồn: Vận dụng phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tổng hợp điểm của 4 chỉ tiêu xác định hiệu quả môi trường nêu trên cho mỗi LUT như sau: LUT đạt hiệu quả rất cao có tổng số > 9 điểm, LUT đạt hiệu quả cao có tổng số từ ≥ 7 đến ≤ 9 điểm, LUT đạt hiệu quả trung bình có tổng số từ ≥ 5 đến ≤ 7 điểm, LUT đạt hiệu quả thấp có tổng số điểm < 5 điểm (Thi Quý Phú, 2019).

2.5. Phương pháp phân tích SWOT

Trong nghiên cứu này, khung phân tích SWOT được sử dụng để tìm hiểu những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với

từng kiểu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại vùng đầm phá ven biển huyện Phong Điền trên cơ sở tổng hợp ý kiến của nông hộ và những cán bộ có liên quan đến sản xuất và tiêu thụ nông sản. Kết quả phân tích ma trận SWOT sẽ là một trong những căn cứ quan trọng để đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đối với các kiểu sử dụng đất nông nghiệp hiện có tại vùng đầm phá ven biển huyện Phong Điền.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình sử dụng đất nông nghiệp vùng nghiên cứu

3.1.1. Các kiểu sử dụng đất nông nghiệp chủ yếu của vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền

3.1.1.1. Kiểu sử dụng đất 2 vụ lúa

Kiểu sử dụng đất này chủ yếu phổ biến trên các địa hình thấp, trũng, chế độ nước tưới tiêu chủ động, thành phần cơ giới là đất thịt nhẹ. Đây là LUT truyền thống đã tồn tại từ lâu nên được người dân chấp nhận và áp dụng. Các giống lúa chính được sử dụng nhiều là: Khang dân, HT1, TH5, TH6. Trong đó lúa Đông Xuân là vụ lúa chính, bắt đầu gieo vào tháng 12, thu hoạch vào khoảng tháng 4. Làm đất vụ Hè Thu và gieo cấy sau khi thu hoạch vụ Đông Xuân, khoảng tháng 7.

3.1.1.2. Kiểu sử dụng đất vụ màu

- Ném: thường được trồng vào tháng 9, thu hoạch vào tháng 4. Ném được trồng trên địa hình vùn, vùn cao, thành phần cơ giới là đất cát. Được trồng chủ yếu ở xã Điền Hương, Điền Môn.

- Dưa hấu: thường được trồng vào tháng 3, thu hoạch vào tháng 8. Dưa hấu được trồng trên địa hình vùn cao, cao, thành phần cơ giới là đất cát. Được trồng chủ yếu ở xã Điền Hương, Điền Môn.

- Lạc: được trồng vào tháng 12, 1 và thu hoạch vào tháng 4, 5. Lạc được trồng trên địa hình vùn,

vùn thấp, thành phần cơ giới là đất thịt nhẹ. Được trồng chủ yếu ở xã Điền Lộc, Điền Môn.

- Sen: được trồng vào tháng 3 và thu hoạch vào tháng 8. Nhiều gia đình chuyển từ trồng lúa kém hiệu quả sang trồng sen. Sen được trồng trên địa hình trũng, chủ yếu ở xã Điền Lộc

- Ớt: được trồng vào tháng 1 và thu hoạch vào tháng 5. Ớt được trồng trên địa hình đất vùn cao, cao, thành phần cơ giới là đất thịt. Được trồng chủ yếu ở xã Điền Hải, Điền Hòa.

- Mướp đắng: được trồng vào tháng 5, thu hoạch vào tháng 9, 10. Mướp đắng được trồng trên địa hình vùn, thành phần cơ giới là đất thịt. Được trồng chủ yếu ở xã Điền Hải, Điền Hòa

3.1.1.3. Kiểu sử dụng đất 2 vụ nuôi trồng thủy sản

- Vụ Đông Xuân thường thả vào tháng 4, tháng 8 thu hoạch. Vụ Hè Thu thả vào tháng 9, thu hoạch vào tháng 2. Nuôi trồng thủy sản (NTTS) ở đây là tôm thẻ chân trắng, có nguồn gốc từ Bình Định. Được nuôi chủ yếu ở xã Điền Hương, Phong Hải, Điền Hải.

3.1.2. Hiện trạng sử dụng đất của các loại hình đất nông nghiệp của vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền

Bảng 4. Diện tích các kiểu sử dụng đất chính của các hộ điều tra/xã

DVT: m²

Kiểu sử dụng đất	Xã					
	Điền Hương	Điền Môn	Điền Lộc	Điền Hòa	Điền Hải	Phong Hải
Lúa 2 vụ	29.750	48.250	37.000	39.500	17.000	-
Lạc	-	3.000	3.500	-	-	-
Ném	6.500	6.000	-	-	-	-
Ớt	-	-	1.000	1.500	2.750	-
Dưa hấu	3.000	1.500	-	-	-	-
Mướp đắng	-	-	-	500	1.000	-
Sen	-	-	10.000	-	-	-
Tôm thẻ chân trắng	57.700	-	-	-	16.000	104.300

(Nguồn: Theo số liệu điều tra nông hộ)

Qua bảng 4 cho thấy, các kiểu sử dụng đất của các hộ điều tra khu vực nghiên cứu có sự phân bố không đồng đều giữa các xã, đặc biệt là kiểu sử dụng đất tôm thẻ chân trắng vì kiểu sử dụng đất này chỉ tập trung phát triển tại những xã ven biển có diện tích nuôi trồng thủy sản lớn như xã Điền Hương, Phong Hải. Đa số các xã được nghiên cứu đều có diện tích trồng lúa 2 vụ,

chỉ xã Phong Hải là có 1 kiểu sử dụng đất. Điều đó cho thấy việc trồng lúa vẫn đang được người dân địa phương chú trọng sản xuất.

3.2. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại khu vực nghiên cứu

3.2.1. Hiệu quả kinh tế

Kết quả tổng hợp hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất nông nghiệp thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5. Hiệu quả kinh tế các kiểu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Kiểu sử dụng đất	Giá trị sản xuất (GO) (ngh.đ/ha/năm)	Chi phí sản xuất (IC) (ngh.đ/ha/năm)	Giá trị gia tăng (VA) (ngh.đ/ha/năm)	Giá trị VA/IC (lần)	Giá trị GO/IC (lần)
Lúa 2 vụ	64.170,833	50.679,146	13.491,687	0,27	1,27
Lạc	42.558,334	33.400,834	9.157,500	0,27	1,27
Ném	83.000,000	44.195,167	38.804,834	0,88	1,88
Ớt	124.766,667	63.427,111	61.339,556	0,97	1,97
Sen	32.500,000	30.800,000	1.700,000	0,06	1,06
Mướp đắng	82.000,000	60.115,000	21.885,000	0,36	1,36
Dưa hấu	102.500,000	37.700,000	64.800,000	1,72	1,72
Tôm thẻ chân trắng	8.032.369,444	4.505.099,212	3.527.270,232	0,78	1,78

(Nguồn: Kết quả điều tra và xử lý)

Qua bảng 5, ta thấy: Giá trị sản xuất, chi phí sản xuất, giá trị gia tăng của các kiểu sử dụng đất có sự chênh lệch rõ rệt, giá trị sản xuất của tôm thẻ chân trắng là cao nhất và sau đó là đến ớt. Kiểu sử dụng đất trồng sen và lạc có giá trị sản xuất thấp, tuy nhiên lại có chi phí sản xuất khá cao, điều này là do chi phí nhân công cho 2 kiểu sử dụng đất này là khá lớn, tuy nhiên khi

bán thường lại không được giá như mong muốn. Về chi phí sản xuất thì loại hình tôm thẻ chân trắng có chi phí sản xuất cao so với các loại khác, do nguồn thức ăn nhiều và nuôi tôm phải có hệ thống máy lọc, quạt...

Kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất nông nghiệp tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền như trong bảng 6.

Bảng 6. Đánh giá hiệu quả kinh tế các kiểu sử dụng đất nông nghiệp tại vùng nghiên cứu

Kiểu sử dụng đất	GTSX (GO)	GTGT (VA)	Hiệu quả sản xuất (GO/IC) (lần)		Tổng điểm	Đánh giá
	Điểm	Điểm	Hệ số	Điểm		
Lúa 2 vụ	2	1	1,27	1	4	Thấp
Lạc	2	1	1,27	1	4	Thấp
Ném	3	2	1,88	3	8	Cao
Ớt	4	3	1,97	3	10	Rất cao
Sen	1	1	1,06	1	3	Thấp
Mướp đắng	3	2	1,36	2	7	Cao
Dưa hấu	3	3	1,72	4	10	Rất cao
Tôm thẻ chân trắng	4	4	1,78	3	11	Rất cao

(Nguồn: Kết quả điều tra, xử lý và đánh giá)

Qua kết quả ở bảng 6 cho thấy, do đặc thù về điều kiện đất đai, khả năng về nguồn nước cũng như khí hậu và một số điều kiện khác tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền đã tạo nên các sản phẩm nông nghiệp trong 3 kiểu sử dụng đất trồng ớt, trồng dưa hấu và tôm thẻ chân trắng có giá trị kinh tế rất cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại vùng đầm phá - ven biển

huyện Phong Điền.

3.2.2. Hiệu quả xã hội

a. Mức độ thu hút lao động

Qua điều tra thực tế ta có số lượng công lao động cho các kiểu sử dụng đất nông nghiệp tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền được tổng hợp ở bảng 7.

Bảng 7. Số công lao động của các kiểu sử dụng đất nông nghiệp

Kiểu sử dụng đất	Số công lao động (công/ha/năm)
Lúa 2 vụ	173
Lạc	128
Ném	190
Ớt	249
Sen	77
Murop đắng	215
Dưa hấu	165
Tôm thẻ chân trắng	991

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra)

Qua số liệu thể hiện tại bảng 7, cho thấy: Loại hình tôm thẻ chân trắng cần số công lao động cao nhất với 991 công/ha/năm. Như vậy có thể thấy, để đạt được hiệu quả kinh tế cao thì mức độ yêu cầu số công chăm sóc và nuôi trồng cũng hết sức quan trọng. Các loại hình yêu cầu số công lao động tiếp theo là ớt với 249 công/ha/năm và murop đắng với 215

công/ha/năm. Thấp nhất là sen với 77 công/ha/năm cho thấy loại hình này hết sức dễ dàng với số công chăm sóc ít.

b. Giá trị ngày công lao động

Qua điều tra, khảo sát tình hình sử dụng lao động của các kiểu sử dụng đất nông nghiệp tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền, tổng hợp ở bảng 8.

Bảng 8. Giá trị ngày công lao động của các kiểu sử dụng đất nông nghiệp tại vùng

Kiểu sử dụng đất	Giá trị gia tăng (VA) (ngh.đ/ha/năm)	Giá trị ngày công LĐ (ngh.đ/công)
Lúa 2 vụ	13.491,687	77,987
Lạc	9.157,500	71,824
Ném	38.804,834	204,236
Ớt	61.339,556	246,344
Sen	1.700,000	22,078
Murop đắng	21.885,000	101,791
Dưa hấu	64.800,000	392,727
Tôm thẻ chân trắng	3.527.270,232	3.559,304

(Nguồn: Kết quả điều tra và xử lý)

c. Khả năng tiêu thụ sản phẩm

Khả năng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được đánh giá dựa trên khả năng của sản phẩm đó có thị trường để xuất khẩu hay không, có thị trường tiêu thụ trong nước hay chỉ tiêu thụ trong tỉnh; khả năng cạnh tranh của sản phẩm; sự phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

Kết quả tổng hợp đánh giá của 3 tiêu chí hiệu quả xã hội đối với các LUT sản xuất nông nghiệp tại vùng đầm phá ven biển được thể hiện ở bảng 9.

Qua bảng 9 cho thấy, kiểu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản và trồng dưa hấu là đem lại hiệu quả xã hội ở mức rất cao; kiểu sử dụng đất trồng lúa, ném, ớt, murop đắng đạt hiệu quả xã hội ở mức cao; kiểu sử dụng đất trồng sen, lạc thì chỉ đạt hiệu quả xã hội ở mức trung bình.

Nhìn chung, đa số các kiểu sử dụng đất nông nghiệp tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền có hiệu quả xã hội ở mức cao và rất cao, chỉ có kiểu sử dụng đất trồng sen và lạc là có hiệu quả xã hội ở mức trung bình. Vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền có điều kiện về tự nhiên để phát triển nông nghiệp và được chính quyền các cấp quan tâm, các sản phẩm nông nghiệp đã có thương hiệu, thị trường tiêu thụ và cũng có khả năng xuất khẩu như tôm thẻ chân trắng. Do đó, các kiểu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền đang được sự đầu tư tích cực từ các nguồn lực trong xã hội, nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư để phát triển ngành nông nghiệp nhằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có giá trị cao.

Bảng 9. Đánh giá hiệu quả xã hội của các kiểu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Kiểu sử dụng đất	Công lao động		Giá trị ngày công		Khả năng tiêu thụ sản phẩm		Tổng điểm	Đánh giá
	Số công (Công/ha/năm)	Điểm	Giá trị (đồng/công)	Điểm	Đánh giá	Điểm		
Lúa 2 vụ	173	3	77,987	1	Cao	3	7	Cao
Lạc	128	2	71,824	1	Cao	3	6	TB
Ném	190	3	204,236	2	TB	2	7	Cao
Ốt	249	3	246,344	2	TB	2	7	Cao
Sen	77	2	22,078	1	Cao	3	6	TB
Mướp đắng	215	3	101,791	2	Cao	3	8	Cao
Dưa hấu	165	3	392,727	3	Cao	3	9	Rất cao
Tôm thẻ chân trắng	991	4	3.559,304	4	Rất cao	4	12	Rất cao

(Nguồn: Kết quả điều tra và xử lý)

3.2.3. Hiệu quả mặt môi trường

Căn cứ kết quả điều tra, ta có bảng so sánh

mức độ sử dụng phân bón của nông hộ với quy trình kỹ thuật được khuyến cáo như bảng 10.

Bảng 10. So sánh mức độ sử dụng phân bón của nông hộ với quy trình kỹ thuật được khuyến cáo

DVT: kg tính cho 1ha

Kiểu sử dụng đất	Mức khuyến cáo			Mức bón phân của các nông hộ					
	Đạm	Lân	Kali	Đạm	Tỷ lệ (%)	Lân	Tỷ lệ (%)	Kali	Tỷ lệ (%)
Lúa 2 vụ	110	60	60	200	181	160	266	160	266
Lạc	120	400	160	120	100	460	115	170	106
Ném	200	200	100	240	120	280	140	260	108
Ốt	210	180	180	380	181	320	178	300	166
Sen	100	500	100	150	150	150	30	150	150
Mướp đắng	220	380	200	140	64	400	143	240	120
Dưa hấu	250	250	170	250	100	200	80	230	135
Tôm thẻ chân trắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: Kết quả điều tra và tính toán)

Dựa trên các chỉ tiêu phân cấp tại bảng 3 cùng với số liệu điều tra so sánh mức độ sử dụng phân bón và các loại thuốc BVTV được thể hiện

tại bảng 10, nghiên cứu tiến hành đánh giá hiệu quả môi trường của các kiểu sử dụng đất nông nghiệp như trong bảng 11.

Bảng 11. Đánh giá hiệu quả môi trường các kiểu sử dụng đất nông nghiệp

Kiểu sử dụng đất	Mức độ che phủ đất		Khả năng bảo vệ và cải tạo đất		Mức độ sử dụng phân bón và các loại thuốc BVTV		Đánh giá	
	Tỷ lệ (%)	Điểm	Tỷ lệ (%)	Điểm	Tỷ lệ (%)	Điểm	Tổng điểm	Đánh giá
Lúa 2 vụ	40	2	40	2	137	1	5	Trung bình
Lạc	33	2	55	3	7	3	8	Cao
Ném	22	1	42	2	23	2	5	Trung bình
Ốt	35	2	35	2	75	1	5	Trung bình
Sen	20	1	27	1	10	3	5	Trung bình
Mướp đắng	35	2	35	2	09	3	7	Cao
Dưa hấu	10	1	48	2	105	1	4	Thấp
Tôm thẻ chân trắng	0	1	20	1	0	4	6	Trung bình

(Nguồn: Kết quả điều tra và đánh giá)

Qua bảng 11, cho thấy: kiểu sử dụng đất trồng lạc và mướp đắng đem lại hiệu quả môi trường đạt ở mức độ cao; kiểu sử dụng đất trồng cây lúa, ném, ớt, sen đem lại hiệu quả môi trường đạt ở mức độ trung bình; có 2 kiểu sử dụng đất đem lại hiệu quả môi trường đạt ở mức độ thấp đó là kiểu sử dụng đất trồng dưa hấu và tôm thẻ chân trắng.

3.2.4. Đánh giá tổng hợp hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường các kiểu sử dụng đất nông nghiệp tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền

Kết quả tổng hợp đánh giá mức độ hiệu quả của các loại hình sử dụng này được thể hiện tại bảng 12.

Bảng 12. Kết quả đánh giá tổng hợp hiệu quả của các kiểu sử dụng đất

Kiểu sử dụng đất	Hiệu quả kinh tế	Hiệu quả xã hội	Hiệu quả môi trường	Đánh giá chung
Lúa 2 vụ	Thấp	Cao	Trung bình	Trung bình
Lạc	Thấp	Trung bình	Cao	Trung bình
Ném	Cao	Cao	Trung bình	Cao
Ớt	Rất cao	Cao	Trung bình	Cao
Sen	Thấp	Trung bình	Trung bình	Thấp
Mướp đắng	Cao	Cao	Cao	Cao
Dưa hấu	Rất cao	Rất cao	Thấp	Cao
Tôm thẻ chân trắng	Rất cao	Rất cao	Trung bình	Cao

(Nguồn: Kết quả xử lý)

Qua bảng 12 cho thấy chỉ có kiểu sử dụng đất mướp đắng là đạt hiệu quả cao cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Ở kiểu sử dụng đất lúa 2 vụ có hiệu quả kinh tế thấp và hiệu quả môi trường ở mức trung bình, tuy nhiên lại có hiệu quả xã hội ở mức cao. Điều đó lý giải tại sao diện tích đất trồng lúa vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng diện tích sản xuất nông nghiệp của địa phương. Kiểu sử dụng đất tôm thẻ chân trắng có hiệu quả kinh tế và xã hội cao, hiệu quả môi trường được đánh giá ở mức trung bình. Như vậy, nếu có thể cải thiện quy trình nuôi trồng tôm thẻ chân trắng để giảm bớt ảnh hưởng đến môi trường thì đây

kiểu sử dụng đất mang lại lợi ích lớn nhất cho người dân địa phương.

3.3. Đề xuất định hướng sử dụng và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền

3.3.1. Phân tích SWOT đối với các kiểu sử dụng đất phổ biến tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền

Qua kết quả phân tích SWOT nêu trên nhận thấy các kiểu sử dụng đất nông nghiệp hiện có tại vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền có những điểm chung như sau:

THUẬN LỢI (S)	KHÓ KHĂN (W)
<ul style="list-style-type: none"> - Do có đặc trưng về địa hình, thổ nhưỡng, địa chất, nguồn nước là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các loại cây trồng và NTTS. - Hạ tầng, điện và giao thông phục vụ sản xuất, đáp ứng tương đối nhu cầu để phát triển nông nghiệp công nghệ cao. - Năng suất cao, sản lượng và chất lượng ổn định. - Thương hiệu ném Điền Môn, mướp đắng Điền Hải đã có thương hiệu trên thị trường nên nhu cầu tiêu thụ là khá lớn. - Tôm thẻ chân trắng NTTS có thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước nên ổn định đầu ra sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích đất canh tác chủ yếu theo hộ gia đình nên nhỏ lẻ, không tập trung, diện tích đất đầu tư có nông nghiệp theo quy mô lớn chưa có. - Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp chưa đảm bảo theo quy trình khoa học, đa số là do tự tìm hiểu và áp dụng. - Các cơ sở vật chất kỹ thuật thiết yếu phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thực sự chưa đáp ứng như thiếu kho lạnh, hạn chế dịch vụ đầu vào về giống, vật tư kỹ thuật... - Cũng có nhiều dịch bệnh.

CƠ HỘI (O)	THÁCH THỨC (T)
<ul style="list-style-type: none"> - Ngành nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao luôn được quan tâm hỗ trợ từ Trung ương đến địa phương. - Chính quyền địa phương luôn kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp tổ chức lớn trong và ngoài nước để đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao. - Có những chính sách hỗ trợ của nhà nước, đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa du lịch nông nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu nói chung, tại thành phố Đà Lạt nói riêng ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tại thành phố Đà Lạt. - Vấn đề bảo vệ môi trường trong canh tác nông nghiệp chưa được chú trọng. Chưa có đánh giá cụ thể về môi trường như tình trạng xói mòn, ô nhiễm nguồn nước, không khí, thoái hóa đất... từ chất thải, từ dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. - Đối với thị trường tiêu thụ, hiện vẫn còn bấp bênh, thiếu ổn định, chưa tiếp cận nhu cầu thị trường, nhất là các hộ sản xuất nhỏ lẻ và sản xuất tự phát, chạy theo thị trường trôi nổi.

3.3.2. Cơ sở đề xuất

Đề lựa chọn được các kiểu sử dụng đất phù hợp và đề xuất hướng sử dụng đất đạt hiệu quả cao về 3 mặt kinh tế, xã hội và môi trường, nghiên cứu đã căn cứ vào một số nguyên tắc cơ bản khi lựa chọn các kiểu sử dụng đất có triển vọng như sau:

- Phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu và cơ sở vật chất của vùng nghiên cứu.
- Các kiểu sử dụng đất phải đạt hiệu quả kinh tế cao.
- Phù hợp với phong tục tập quán của địa phương đồng thời phát huy được kinh nghiệm sản xuất của người dân.
- Bảo vệ được màu mỡ của đất và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Phương hướng phát triển kinh tế, xã hội, phương án quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất chi tiết của từng xã trong vùng.

3.3.3. Các kiểu sử dụng đất được đề xuất

Từ kết quả phân tích, đánh giá hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường các kiểu sử dụng đất ở trên, các kiểu sử dụng đất được đề xuất như sau:

- Kiểu sử dụng đất cần được phát triển mạnh là loại hình sản xuất cây mướp đắng, ném vì chi phí đầu tư thấp, năng suất cao. Cần mở rộng diện tích sản xuất và chú ý thâm canh tăng năng suất để nâng cao sản lượng.
- Mở rộng kiểu sử dụng đất trồng ớt, dưa hấu, vì hai kiểu sử dụng đất này mang lại hiệu quả

kinh tế rất cao, chi phí đầu tư thấp.

- Duy trì kiểu sử dụng đất trồng lúa, mặc dù không mang lại hiệu quả cao nhưng cần thiết tục duy trì diện tích lúa hiện có để đảm bảo an ninh lương thực

- Thúc đẩy và mở rộng kiểu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản vì phù hợp với lợi thế địa hình, điều kiện tự nhiên của vùng.

3.3.4. Đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất

3.3.4.1. Giải pháp về chính sách

- Thực hiện các chính sách dồn điền đổi thửa, tích tụ và tập trung đất, tạo những cánh đồng mẫu lớn. Chuyển đổi diện tích đất chăn nuôi, trồng trọt kém hiệu quả. Giảm số lượng người trực tiếp tham gia trồng trọt, tăng diện tích đất/đầu người.

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền về chính sách đất đai, chính sách phát triển bền vững cho cán bộ và nhân dân địa phương đồng thời, vận động sự ủng hộ và tham gia tích cực của họ để thực hiện các chương trình hành động quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất.

3.3.4.2. Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Tổ chức các điểm thu mua nông sản tại những vùng sản xuất tập trung. Áp dụng việc quản lý thị trường chặt chẽ. Quản lý các đầu mối thu mua nông sản, nhằm đảm bảo sự ổn định giá cả nông sản để người dân yên tâm sản xuất.

- Liên kết với các doanh nghiệp từ khâu tổ

chức sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, liên kết với các tỉnh, địa bàn lân cận và một số thương lái để tiêu thụ sản phẩm.

- Thường xuyên cập nhật thông tin giá cả thị trường của một số nông sản chính và thông tin đến người dân thông qua các buổi sinh hoạt để họ có thể chủ động hơn trong việc tiêu thụ sản phẩm không để xảy ra tình trạng ép giá của tư thương.

3.3.4.3. Giải pháp về kỹ thuật

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông giúp nông dân nắm vững các kỹ thuật sản xuất như luân canh, xen canh... để sử dụng hiệu quả hơn, kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cần được quan tâm hơn.

- Người dân cần được đào tạo và chuyển giao kỹ thuật mới để họ có cơ hội tiếp cận với những tiến bộ mới về khoa học và công nghệ, đồng thời ứng dụng có hiệu quả vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn như sản xuất lúa theo Vietgap, nông nghiệp sạch, nuôi cá nước ngọt, trồng sen, nuôi tôm công nghệ cao...

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, chế biến vào sản xuất nông nghiệp. Đầu tư các máy móc, công nghệ cho chế biến nông sản. Kết hợp với các trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới nhằm chuyển đổi nhanh cơ cấu sản xuất, phát triển sản xuất hàng hóa với chất lượng cao hơn theo nhu cầu thị trường.

3.3.4.4. Giải pháp về vốn

Nguồn vốn đầu tư cho sản xuất nông nghiệp là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phong Điền, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phong Điền cần tạo điều kiện cho các hộ được vay vốn để đầu tư sản xuất. Cải tiến phương thức cho vay vốn của các ngân hàng, tạo điều kiện để nhiều hộ nông dân vay vốn với lượng lãi suất ưu đãi.

3.3.4.5 Giải pháp về cơ sở hạ tầng

- Tăng cường nâng cấp, cải tạo các công trình tưới tiêu, xây dựng nhiều trạm bơm nhỏ để đảm bảo tưới tiêu chủ động 100% cho toàn bộ diện tích canh tác lúa, màu các xã thuộc vùng đầm phá - ven biển huyện Phong Điền.

- Xây dựng các tuyến đường nội đồng, xây dựng công trình cấp nước mặn để NTTS, xây dựng hệ thống xử lý nước thải đáp ứng nhu cầu NTTS.

4. KẾT LUẬN

- Trên địa bàn huyện Phong Điền hiện có 8 kiểu sử dụng đất nông nghiệp chính, đó là: lúa 2 vụ, ném, dưa hấu, lạc, sen, ớt, mướp đắng và tôm thẻ chân trắng. Trong đó, lúa 2 vụ và tôm thẻ chân trắng được sản xuất với diện tích lớn nhất. Lúa 2 vụ được phân bố diện tích đều trên các xã, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng được phân bố chủ yếu tại hai xã Điền Hương và Phong Hải và một phần diện tích nhỏ tại xã Điền Hải.

- Kiểu sử dụng đất mướp đắng được đánh giá có hiệu quả cao về cả kinh tế, xã hội và môi trường. Kiểu sử dụng đất tôm thẻ chân trắng có hiệu quả kinh tế và xã hội cao, hiệu quả môi trường được đánh giá ở mức trung bình. Như vậy, nếu có thể cải thiện quy trình nuôi trồng tôm thẻ chân trắng để giảm bớt ảnh hưởng đến môi trường thì đây kiểu sử dụng đất mang lại lợi ích lớn nhất cho người dân địa phương. Đối với hiệu quả kinh tế, kiểu sử dụng đất dưa hấu, tôm thẻ chân trắng, ném, ớt được đánh giá cao nhất. Với hiệu quả xã hội, kiểu sử dụng đất dưa hấu và tôm thẻ chân trắng được đánh giá có hiệu quả rất cao, điều đó cho thấy mức độ đáp ứng lao động của hai kiểu sử dụng đất này là rất tốt. Đối với hiệu quả môi trường, kiểu sử dụng đất lạc được đánh giá cao, các kiểu sử dụng đất còn lại được đánh giá ở mức trung bình và thấp. Như vậy, cần chú trọng nghiên cứu thay đổi các quy trình sản xuất làm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường ở mức tối đa để đáp ứng xu hướng bảo vệ môi trường hiện nay.

- Qua kết quả phân tích SWOT, các kiểu sử dụng đất ở huyện Phong Điền đều có các điểm chung như: năng suất cao, sản lượng và chất lượng ổn định. Tuy nhiên, diện tích đất canh tác chủ yếu theo hộ gia đình nên nhỏ lẻ, không tập trung, địa hình không bằng phẳng, diện tích đất đầu tư có nông nghiệp theo quy mô lớn chưa có. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp chưa đảm bảo theo

quy trình khoa học, đa số là do tự tìm hiểu và áp dụng. Qua đó, nghiên cứu đã đưa ra các giải pháp về chính sách, thị trường tiêu thụ sản phẩm, kỹ thuật, vốn, cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Nữ Hoàng Anh (2013), *Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp tại Yên Bái giai đoạn 2012 – 2016*, Luận án Tiến sĩ nông nghiệp, Đại học Thái Nguyên.

2. Nguyễn Văn Bình (2017), *Đánh giá thực trạng và Đề xuất hướng sử dụng đất nông nghiệp bền vững tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế*, Luận án Tiến sĩ Kiểm soát và Bảo vệ môi trường, Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

3. Huỳnh Văn Chương (2011), *Giáo trình Đánh giá đất*, NXB Nông nghiệp chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thi Quý Phú (2019), *Đánh giá tiềm năng đất đai và đề xuất định hướng sử dụng đất Nông nghiệp tại Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai, Trường Đại học Nông Lâm Huế.

EVALUATION OF THE EFFICIENCY OF USE OF AGRICULTURAL LAND IN THE SEA AREA OF THE PHONG DIEN DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Nguyen Van Binh¹, Nguyen Dinh Tien¹, Nguyen Thanh Nam¹, Hoang Phuong Anh²

¹*Hue University of Agriculture and Forestry*

²*Hanoi University of Natural Resources and Environment*

SUMMARY

The main objective of the study is to evaluate the efficiency of agricultural land use in the lagoon coastal area of Phong Dien district, Thua Thien Hue province. Through the data synthesis and analysis, the collected survey tables show: There are 8 main types of land use in Phong Dien district, namely: 2-crop rice, peanut, throw, chili, lotus, bitter melon, watermelon and white shrimp. In which, 2-crop rice and whiteleg shrimp have the largest production area. In terms of land use efficiency, land use patterns such as whiteleg shrimp, throwing, lotus, chilli, bitter melon, watermelon are considered to be the most effective, the use of lotus land is evaluated to be effective lowest land use. Existing agricultural land use patterns in the lagoon-coastal area of Phong Dien district have in common such as high productivity, stable output and quality, however, the application of science and technology, high technology. In agricultural production, the scientific process has not been ensured. Based on the research results, the study has also proposed 5 solutions to improve the efficiency of agricultural land use in the coming time in Phong Dien district.

Keywords: agricultural land, efficiency, land use type, Phong Dien.

Ngày nhận bài : 17/9/2020
Ngày phản biện : 28/9/2020
Ngày quyết định đăng : 13/10/2020